

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 4 - 2024

V/v: Kiện xin ly hôn

và nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương và bà Nguyễn Thị Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc: “Kiện xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị D1, sinh năm 1994.

Nơi ĐKNKTT: Xóm 3, xã LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Thôn DX, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

* **Bị đơn:** Anh Trần Văn D2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm 3, xã LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa chị D1 có đơn xin xử vắng mặt, anh D2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DỊ VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội D1 vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị Vũ Thị D1 và anh Trần Văn D2 kết hôn trên tinh thần tự nguyện, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam vào ngày 24/3/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay, chị D1 xác định tình cảm vợ chồng không

còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn D2. Anh Trần Văn D2 cũng nhất trí ly hôn với chị Vũ Thị D1.

- Về con chung: Vợ chồng đều thống nhất khai có ba con chung là Trần Thu H1, sinh ngày 02/10/2013 (con gái), Trần Huy H2, sinh ngày 25/01/2016 (con trai) và Trần Huy H3, sinh ngày 31/8/2017 (con trai). Hiện nay cháu H1 đang ở với chị D1, cháu H2 và cháu H3 đang ở với anh D2. Khi ly hôn, chị D1 có nguyện vọng xin nuôi cháu H1 và giao anh D2 nuôi dưỡng cháu H2 và cháu H3, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay chị D1 đang làm nhân viên tại Trung tâm chăm sóc sức khỏe Venus, thu nhập khoảng 12.500.000đ/tháng. Anh D2 xin nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị D1 cấp dưỡng nuôi con.

Con nuôi, con riêng: Không có. Hiện chị D1 không có thai nghén gì.

- Về tài sản, công nợ: Chị D1 và anh D2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, thời gian, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị D1 và anh Trần Văn D2.

- Về con chung: Giao chị Vũ Thị D1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thu H1; giao anh Trần Văn D2 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc

cháu Trần Huy H2 và cháu Trần Huy H3 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Văn D2 có nơi cư trú tại xóm 3, xã LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Vũ Thị D1 và anh Trần Văn D2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân:

Cuộc hôn nhân giữa chị Vũ Thị D1 và anh Trần Văn D2 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2012 tại UBND xã LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị D1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng chị D1 và anh D2 đã có thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có ba con chung sau đó mới phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị D1 có đơn xin ly hôn, anh D2 cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D1 và anh D2 là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Trần Thu H1, sinh ngày 02/10/2013 (con gái), Trần Huy H2, sinh ngày 25/01/2016 (con trai) và Trần Huy H3, sinh ngày 31/8/2017 (con trai). Hiện nay cháu Trần Thu H1 đang ở với chị D1 và chị D1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, còn cháu Trần Huy H2 và cháu Trần Huy H3 đang ở với anh D2, chị D1 có nguyện vọng giao cháu H3 và cháu H2 cho anh D2 trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên anh D2 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung. Hội đồng xét xử thấy: Chị D1 và anh D2 có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là quyền và trách nhiệm của bố mẹ đối với con chung. Để đảm bảo sự ổn định cuộc sống cũng như sinh hoạt của các cháu và đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con chung, cần giao cháu H1 cho chị D1 nuôi dưỡng, giao cháu H2 và cháu H3 cho anh D2 nuôi dưỡng như quan điểm của chị D1 là phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do cả chị D1 và anh D2 đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về con nuôi, con riêng: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị D1 và anh Trần Văn D2.

2/ Về con chung: Giao chị Vũ Thị D1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Thu H1, sinh ngày 02/10/2013 (con gái) cho đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao anh Trần Văn D2 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Huy H2, sinh ngày 25/01/2016 (con trai) và cháu Trần Huy H3, sinh ngày 31/8/2017 (con trai) cho đến khi cháu H2 và cháu H3 trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị D1 và anh Trần Văn D2 mỗi người phải nộp án phí ly hôn là 150.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D1 nộp toàn bộ án phí ly hôn thay cho anh D2. Chị D1 được đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000312 ngày 13 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị D1 đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo đối với bản án: chị D1 và anh D2 đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND xã Liêm Chung,
TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên